



Phụ lục 3
BẢNG SỐ LIỆU CHI TIẾT KẾT QUẢ SỬ DỤNG HỆ THỐNG IOFFICE
06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số: 370/BC-UBND ngày 23/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Văn bản đi				Số lượng VB xử lý trên iOffice	
		Tổng số	Ký số	Không ký số	Tỷ lệ	Văn bản đi có quy trình, có ký số	Tỷ lệ
	TỔNG: A+B	295.012	288.020	6.992	97.63%	250.670	84.97%
A	CƠ QUAN CẤP TỈNH	83.613	82.232	1.381	98.35%	75.144	89.87%
1	Văn phòng UBND tỉnh Cà Mau	14.844	14.369	475	96.80%	13.572	91.43%
2	Sở Nội vụ	11.818	11.685	133	98.87%	10.844	91.76%
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	9.099	9.073	26	99.71%	8.934	98.19%
4	Sở Tư pháp	4.047	4.040	7	99.83%	3.972	98.15%
5	Sở Tài chính	7.715	7.664	51	99.34%	7.503	97.25%
6	Sở Công Thương	2.976	2.951	25	99.16%	2.822	94.83%
7	Sở Xây dựng	6.315	6.312	3	99.95%	5.684	90.01%
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5.911	5.279	632	89.31%	5.080	85.94%
9	Sở Khoa học và Công nghệ	4.409	4.409	-	100%	4.375	99.23%
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	4.363	4.356	7	99.84%	4.141	94.91%
11	Sở Y tế	5.191	5.191	-	100%	1.690	32.56%
12	Thanh Tra tỉnh	3.004	2.982	22	99.27%	2.834	94.34%
13	Sở Dân tộc và Tôn giáo	2.388	2.388	-	100%	2.250	94.22%
14	Ban Quản lý Khu kinh tế	1.533	1.533	-	100%	1.443	94.13%
B	CƠ QUAN CẤP XÃ	211.399	205.788	5.611	97.35%	175.526	83.03%
1	Phường An xuyên	6.095	6.067	28	99.54%	5.797	95.11%
2	Phường Lý Văn Lâm	4.237	4.220	17	99.60%	4.178	98.61%
3	Phường Tân Thành	5.187	5.181	6	99.88%	5.111	98.53%
4	Phường Hòa Thành	3.947	3.943	4	99.90%	3.819	96.76%
5	Xã Phan Ngọc Hiển	3.324	3.271	53	98.41%	2.754	82.85%
6	Xã Đất Mũi	2.111	2.045	66	96.87%	1.785	84.56%
7	Xã Tân Ân	2.559	2.547	12	99.53%	2.344	91.60%
8	Xã U Minh	2.283	2.272	11	99.52%	1.992	87.25%
9	Xã Nguyễn Phích	3.049	3.030	19	99.38%	2.761	90.55%
10	Xã Khánh Lâm	2.236	2.057	179	91.99%	1.213	54.25%
11	Xã Khánh An	2.699	2.640	59	97.81%	2.233	82.73%
12	Xã Tân Thuận	2.578	2.494	84	96.74%	2.424	94.03%
13	Xã Tân Tiến	2.505	2.467	38	98.48%	2.234	89.18%
14	Xã Tạ An Khương	4.083	4.036	47	98.85%	3.264	79.94%
15	Xã Trần Phán	3.230	3.159	71	97.80%	3.007	93.10%
16	Xã Thanh Tùng	6.188	6.157	31	99.50%	5.567	89.96%

17	Xã Đầm Dơi	3.118	3.102	16	99.49%	2.947	94.52%
18	Xã Quách Phẩm	1.775	1.374	401	77.41%	815	45.92%
19	Xã Đất Mới	1.929	1.726	203	89.48%	1.408	72.99%
20	Xã Năm Căn	2.837	2.743	94	96.69%	2.375	83.72%
21	Xã Tam Giang	2.289	2.250	39	98.30%	1.795	78.42%
22	Xã Cái Đoi Vàm	3.624	3.587	37	98.98%	2.903	80.10%
23	Xã Nguyễn Việt Khái	2.635	2.632	3	99.89%	2.241	85.05%
24	Xã Phú Tân	2.224	2.209	15	99.33%	1.986	89.30%
25	Xã Phú Mỹ	4.267	4.250	17	99.60%	4.117	96%
26	Xã Thới Bình	2.090	2.035	55	97.37%	1.703	81.48%
27	Xã Trí Phải	3.645	3.519	126	96.54%	3.435	94.24%
28	Xã Tân Lộc	1.853	1.756	97	94.77%	1.606	86.67%
29	Xã Biển Bạch	1.956	1.873	83	95.76%	1.786	91.31%
30	Xã Hồ Thị Kỷ	3.289	3.267	22	99.33%	3.009	91.49%
31	Xã Khánh Bình	2.352	2.086	266	88.69%	1.757	74.70%
32	Xã Đá Bạc	4.848	4.792	56	98.84%	4.565	94.16%
33	Xã Khánh Hưng	2.278	2.256	22	99.03%	1.655	72.65%
34	Xã Sông Đốc	2.379	2.369	10	99.58%	1.597	67.13%
35	Xã Trần Văn Thời	2.283	1.985	298	86.95%	1.154	50.55%
36	Xã Lương Thế Trân	1.585	1.581	4	99.75%	1.527	96.34%
37	Xã Tân Hưng	2.916	2.900	16	99.45%	2.540	87.11%
38	Xã Hưng Mỹ	1.868	1.853	15	99.20%	1.717	91.92%
39	Xã Cái Nước	2.057	2.045	12	99.42%	1.615	78.51%
40	Phường Bạc Liêu	9.867	9.531	336	96.59%	6.121	62.04%
41	Phường Giá Rai	5.056	4.949	107	97.88%	3.417	67.58%
42	Phường Hiệp Thành	5.791	5.749	42	99.27%	5.363	92.61%
43	Phường Láng Tròn	4.807	4.770	37	99.23%	3.796	78.97%
44	Phường Vĩnh Trạch	5.278	5.229	49	99.07%	3.944	74.73%
45	Xã An Trạch	1.222	1.164	58	95%	958	78.40%
46	Xã Châu Thới	3.661	3.647	14	99.62%	2.761	75.42%
47	Xã Định Thành	3.196	3.178	18	99.44%	3.132	98.00%
48	Xã Đông Hải	3.525	2.926	599	83.01%	2.134	60.54%
49	Xã Gành Hào	3.373	3.256	117	96.53%	3.010	89.24%
50	Xã Hòa Bình	5.153	5.139	14	99.73%	5.035	97.71%
51	Xã Hồng Dân	6.101	5.789	312	94.89%	5.015	82.20%
52	Xã Hưng Hội	6.485	6.439	46	99.29%	2.758	42.53%
53	Xã Long Điền	3.589	3.287	302	91.59%	3.112	86.71%
54	Xã Ninh Quới	3.568	3.504	64	98.21%	3.444	96.52%
55	Xã Ninh Thạnh Lợi	1.868	1.839	29	98.45%	1.750	93.68%
56	Xã Phong Hiệp	852	827	25	97.07%	609	71.48%
57	Xã Phong Thạnh	1.062	925	137	87.10%	884	83.24%
58	Xã Phước Long	3.091	3.038	53	98.29%	2.838	91.81%
59	Xã Vĩnh Hậu	2.715	2.688	27	99.01%	2.329	85.78%
60	Xã Vĩnh Lộc	1.403	1.374	29	97.93%	1.061	75.62%
61	Xã Vĩnh Lợi	4.870	4.802	68	98.60%	4.497	92.34%
62	Xã Vĩnh Mỹ	3.792	3.696	96	97.47%	3.198	84.34%
63	Xã Vĩnh Phước	2.203	2.033	170	92.28%	1.797	81.57%
64	Xã Vĩnh Thanh	2.463	2.233	230	90.66%	1.827	74.18%